

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định Trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 Luật số 40/2013/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2013;

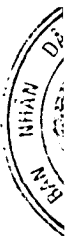
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2014;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 249/TTr-SKHĐT ngày 18 tháng 02 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về Trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05/5/2016 và thay thế Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2012 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy trình thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 42/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh



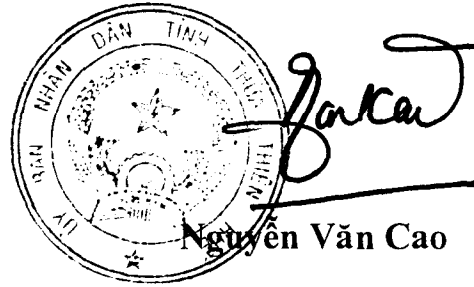
Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định bảo đảm thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất và mặt nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- TV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh; TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Báo Thừa Thiên Huế;
- Công TTĐT tỉnh, TTTHHC;
- VP: Lãnh đạo VP và các CV;
- Lưu: VT, XT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



www.LuatVietnam.vn

QUY ĐỊNH

Trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **26** /2016/QĐ-UBND ngày **25** tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn nhà nước có mục đích kinh doanh, có nhu cầu thuê đất, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 3. Quy định chung

1. Cơ quan đăng ký đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Ký quỹ là việc nhà đầu tư nộp một khoản tiền bảo đảm thực hiện đầu tư dự án cho Cơ quan đăng ký đầu tư để thực hiện dự án theo văn bản cam kết bảo đảm thực hiện dự án.

3. Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư là hệ thống thông tin điện tử được sử dụng để cập nhật, lưu trữ, thực hiện báo cáo, quản lý thông tin về dự án đầu tư không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh. Thông tin lưu trữ tại Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư được sử dụng thống nhất và xuyên suốt trong quá trình thực hiện các thủ tục về dự án đầu tư.

4. Danh mục hồ sơ, giấy tờ hành chính thuộc danh mục hồ sơ phải nộp tại cơ quan thụ lý hồ sơ chỉ nộp một lần, cơ quan thụ lý có trách nhiệm tổng hợp, cập nhật vào Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư các hồ sơ, giấy

tờ hành chính đã được nộp theo quy định tại khâu giải quyết thủ tục lần trước để giải quyết thủ tục lần sau.

5. Cơ quan được lấy ý kiến về dự án đầu tư có trách nhiệm trả lời cơ quan lấy ý kiến trong thời hạn quy định tại Quy định này; quá thời hạn quy định mà không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của mình.

6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền không xem xét lại các nội dung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thẩm định, phê duyệt trước đó trừ trường hợp có chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

7. Thời hạn thụ lý hồ sơ của các cơ quan, đơn vị liên quan là thời gian giao dịch hành chính trong hệ thống lưu trữ, được theo dõi, quản lý bằng Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

8. Các loại giấy tờ thuộc danh mục Hệ thống, thông tin doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể khi cập nhật vào Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư thì có giá trị pháp lý như văn bản giấy và doanh nghiệp, tổ chức kinh tế không nhất thiết nộp kèm hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc danh mục hồ sơ phải nộp khi giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của các cơ quan trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

9. Số ngày giải quyết hồ sơ được quy định tại Quy định này được hiểu là số ngày làm việc.

Điều 4. Trình tự thực hiện dự án

1. Quyết định chủ trương đầu tư/ Đấu giá quyền sử dụng đất/ Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án.

2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

3. Quy hoạch chi tiết/ Quy hoạch tổng mặt bằng.

4. Thiết kế cơ sở; thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ.

5. Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công; phòng cháy chữa cháy; đánh giá tác động môi trường.

6. Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

7. Giao đất/ Cho thuê đất/ Chuyển mục đích sử dụng đất.

8. Cấp phép xây dựng.

9. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (nếu có).

Chương II
Mục 1
QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Điều 5. Giới thiệu, thống nhất thông tin địa điểm

1. Trường hợp có nhu cầu giới thiệu thông tin địa điểm, nhà đầu tư gửi đề nghị giới thiệu địa điểm đầu tư dự án đến Cơ quan tiếp nhận hồ sơ gồm: Cơ quan đăng ký đầu tư, Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh – Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh (*theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Quy định này*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo kết quả cho nhà đầu tư; đồng thời gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư một bản để theo dõi, xử lý các bước tiếp theo (nếu Cơ quan tiếp nhận hồ sơ không phải là Cơ quan đăng ký đầu tư).

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm phối hợp Cơ quan đăng ký đầu tư với các cơ quan, ban, ngành liên quan tổng hợp thông tin về: giá đất, bản đồ địa chính khu đất, quy hoạch,... của khu vực dự án đầu tư, báo cáo UBND tỉnh thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư.

Trường hợp dự án thuộc danh mục quy định tại các Điểm 14, 16 và 20 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (PCCC) và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm lấy ý kiến của Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh trước khi báo cáo UBND tỉnh thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, UBND tỉnh có văn bản thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư, trường hợp từ chối UBND tỉnh sẽ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp dự án thực hiện tại địa điểm không thuộc hoặc chưa phù hợp quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, văn bản thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư của UBND tỉnh sẽ có nội dung đồng ý chủ trương, đồng thời giao trách nhiệm cho Cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan trình UBND tỉnh bổ sung hoặc điều chỉnh cục bộ quy hoạch trước khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Trường hợp cần thiết UBND tỉnh có thể tổ chức cuộc họp để quyết định việc bổ sung hoặc điều chỉnh cục bộ quy hoạch. Thời gian thống nhất địa điểm

nghiên cứu đầu tư trong trường hợp này kéo dài thêm 05 ngày so với thời gian quy định tại Khoản này.

4. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản giới thiệu thông tin địa điểm nghiên cứu cho nhà đầu tư.

Trường hợp dự án thuộc diện phải thông qua đấu giá, đấu thầu, văn bản giới thiệu thông tin địa điểm của Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có nội dung hướng dẫn thủ tục đấu giá, đấu thầu thực hiện dự án.

Trường hợp dự án không thuộc diện phải thông qua đấu giá, đấu thầu, văn bản giới thiệu thông tin địa điểm của Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có các thông tin liên quan về: giá đất, bản đồ địa chính khu đất, quy hoạch,... để phục vụ nhà đầu tư nghiên cứu lập đề xuất dự án đầu tư.

5. Thời gian các Nhà đầu tư nghiên cứu lập đề xuất dự án đầu tư tối đa không quá 03 tháng kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư của UBND tỉnh. Đối với một số dự án có quy mô lớn, phức tạp, thời gian nghiên cứu có thể dài hơn, nhưng không quá 06 tháng và được xác định tại văn bản thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nếu sau 03 tháng hoặc thời hạn được UBND tỉnh cho phép tại Văn bản thống nhất địa điểm mà nhà đầu tư không hoàn thiện việc nghiên cứu lập đề xuất dự án để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền, thì văn bản thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư của UBND tỉnh sẽ hết hiệu lực và bị hủy bỏ.

6. Trường hợp dự án phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhà đầu tư đã tự cập nhật thông tin địa điểm thì không phải thực hiện theo trình tự quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 6. Đấu giá quyền sử dụng đất (thực hiện theo Quy định riêng).

Điều 7. Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án (thực hiện theo Quy định riêng).

Điều 8. Quyết định chủ trương đầu tư

1. Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật Đầu tư 2014, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

a) Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án đến Cơ quan đăng ký đầu tư (theo Phụ lục II kèm theo Quy định này).

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư phải thông báo kết quả cho nhà đầu tư.

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan tổ chức cuộc họp, lập biên bản thẩm định liên ngành những nội dung quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp thẩm định liên ngành, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. Nội dung báo cáo thẩm định gồm:

a) Thông tin về dự án gồm: Thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;

b) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

c) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

d) Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có);

đ) Đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư. Trường hợp có đề xuất giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

e) Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư 2014.

5. Trường hợp cuộc họp thẩm định liên ngành có yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hoàn thiện hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối UBND tỉnh sẽ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cần thiết UBND tỉnh có thể tổ chức cuộc họp để nghe nhà đầu tư báo cáo. Thời gian cấp quyết định chủ trương đầu tư trong trường hợp này kéo dài thêm 05 ngày so với thời gian quy định tại Khoản này.

Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoặc Thường trực Tỉnh ủy) theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trước khi quyết định chủ trương đầu tư. Thời gian cấp quyết định chủ trương đầu tư trong trường hợp này kéo dài thêm 15 ngày so với quy định.

7. Dự án đầu tư quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này thực hiện tại các Khu công nghiệp, Khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan những nội dung quy định tại Khoản 4 Điều này để thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định sau:

a) Trường hợp dự án đã được UBND tỉnh thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định sau:

- Trường hợp dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư mà không phải trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (trừ những dự án trọng điểm thực hiện theo yêu cầu của UBND tỉnh).

- Trường hợp dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô quyết định chủ trương đầu tư.

b) Trường hợp dự án chưa được UBND tỉnh thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô báo cáo UBND tỉnh thống nhất chủ trương trước khi thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư quy định tại Điểm a Khoản này.

8. Đối với dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư, trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ, Cơ quan đăng ký đầu tư tham mưu UBND tỉnh lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan những nội dung quy định tại Khoản 4 Điều này để thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định sau:

a) Đối với dự án đầu tư quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 11 Quy định này, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cơ quan

đăng ký đầu tư. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan có liên quan và nhà đầu tư;

b) Đối với dự án đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy định này, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô báo cáo UBND tỉnh thống nhất chủ trương trước khi xem xét, quyết định chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh, Cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan có liên quan và nhà đầu tư.

Trường hợp cần thiết UBND tỉnh có thể tổ chức cuộc họp để nghe nhà đầu tư báo cáo đối với dự án quy định tại Điểm a và b Khoản này. Thời gian cấp quyết định chủ trương đầu tư trong trường hợp này được kéo dài thêm 05 ngày so với thời gian quy định tại Khoản này.

9. Đối với dự án đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều này của nhà đầu tư nước ngoài sử dụng đất tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới, ven biển, Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật về đất đai trong quá trình thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, trừ dự án đầu tư thực hiện tại các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên lựa chọn cùng địa điểm đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư trình UBND tỉnh tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Thời gian các nhà đầu tư nộp hồ sơ đấu thầu tối đa không quá 03 tháng kể từ ngày UBND tỉnh ban hành văn bản thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư cho nhà đầu tư thứ nhất.

Mục 2

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Điều 9. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh

1. Nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư trong các trường hợp sau:

- a) Điều chỉnh mục tiêu, diện tích, địa điểm đầu tư, công nghệ chính;
- b) Tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư;

c) Điều chỉnh thời hạn hoạt động của dự án đầu tư, thay đổi nhà đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư (theo Phụ lục II kèm theo Quy định này) cho Cơ quan đăng ký đầu tư.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư phải thông báo kết quả cho nhà đầu tư.

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan tổ chức cuộc họp, lập biên bản thẩm định liên ngành những nội dung điều chỉnh.

4. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tổ chức họp thẩm định liên ngành, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư trình UBND tỉnh.

Trường hợp cuộc họp thẩm định liên ngành có yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hoàn thiện hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư trình UBND tỉnh.

5. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Cơ quan đăng ký đầu tư, UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Trường hợp cần thiết UBND tỉnh có thể tổ chức cuộc họp để nghe nhà đầu tư báo cáo. Thời gian cấp quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trong trường hợp này kéo dài thêm 05 ngày so với thời gian quy định tại Khoản này.

6. Trường hợp điều chỉnh các nội dung không được quy định tại Khoản 1 Điều này, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

Chương III

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ, BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Mục 1

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Điều 10. Trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Các trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

a) Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài;

b) Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế thuộc một trong các trường hợp sau đây:

b1) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;

b2) Có tổ chức kinh tế quy định tại Tiết b1 Điểm này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên;

b3) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại Tiết b1 Điểm này nắm giữ từ 51 % vốn điều lệ trở lên.

2. Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

a) Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước;

b) Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

3. Nhà đầu tư trong trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều này có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì thực hiện thủ tục đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 11. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư nằm ngoài các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt;

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư trong các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt, gồm:

a) Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp;

b) Dự án đầu tư thực hiện trong các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi nhà đầu tư đặt hoặc dự kiến đặt trụ sở chính hoặc văn phòng điều hành để thực hiện dự án đầu tư tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư sau đây:

a) Dự án đầu tư cùng thực hiện trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Dự án đầu tư cùng thực hiện ở trong và ngoài các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt.

Điều 12. Cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thông qua hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài

1. Nhà đầu tư kê khai trực tuyến các thông tin về dự án đầu tư tại Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kê khai hồ sơ trực tuyến theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nhà đầu tư nộp hồ sơ cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 13, 15 và 16 Quy định này.

3. Sau khi Cơ quan đăng ký đầu tư tiếp nhận hồ sơ, nhà đầu tư được cấp tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài để theo dõi tình hình xử lý hồ sơ.

4. Cơ quan đăng ký đầu tư sử dụng Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài để tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ đăng ký đầu tư, cập nhật tình hình xử lý hồ sơ và cấp mã số cho dự án đầu tư.

Điều 13. Hồ sơ, thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Đối với dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương chủ đầu tư mà không được yêu cầu nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký đầu tư hoặc xem xét lại nội dung đã được chấp thuận trong văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

2. Đối với dự án không thuộc diện cấp quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến Cơ quan đăng ký đầu tư (theo Phụ lục II kèm theo Quy định này).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư cấp cho nhà đầu tư Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Mục tiêu của dự án đầu tư không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh;

b) Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (nếu có).

Điều 14. Thời hạn hoạt động dự án đầu tư

1. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư trong khu kinh tế không quá 70 năm.
2. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư ngoài khu kinh tế không quá 50 năm. Dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc dự án có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm thì thời hạn dài hơn nhưng không quá 70 năm.
3. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng nhà đầu tư chậm được bàn giao đất thì thời gian Nhà nước chậm bàn giao đất không tính vào thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.

Mục 2

ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Điều 15. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

1. Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư kèm theo tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
2. Trường hợp điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có); thay đổi nhà đầu tư và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có), nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) cho Cơ quan đăng ký đầu tư.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp gia hạn tiến độ thực hiện dự án đầu tư không phải vì lý do bất khả kháng hoặc không phải do lỗi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, Cơ quan đăng ký đầu tư tổ chức kiểm tra để xác định hành vi vi phạm trước khi chấp thuận gia hạn tiến độ

thực hiện dự án. Thời gian chấp thuận gia hạn tiến độ thực hiện dự án trong trường hợp này kéo dài thêm 10 ngày so với thời gian quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 16. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh

1. Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, diện tích, địa điểm đầu tư, công nghệ chính, tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn hoạt động của dự án đầu tư, thay đổi nhà đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có), nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo Phụ lục II kèm theo Quy định này) cho Cơ quan đăng ký đầu tư để thực hiện các thủ tục theo quy định sau:

a) Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại các Khoản 3, 4 và 5 Điều 9 Quy định này trước khi điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

b) Căn cứ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.

2. Trường hợp điều chỉnh các nội dung không được quy định tại Khoản 1 Điều này, nhà đầu tư thực hiện thủ tục theo quy định tương ứng tại Điều 15 Quy định này.

Điều 17. Giãn tiến độ đầu tư

1. Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư phải đề xuất bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký đầu tư khi giãn tiến độ thực hiện dự án.

2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị giãn tiến độ đầu tư (theo Phụ lục II kèm theo Quy định này) cho Cơ quan đăng ký đầu tư.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất, Cơ quan đăng ký đầu tư có ý kiến bằng văn bản về việc giãn tiến độ đầu tư.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan tổ chức cuộc họp, lập biên bản thẩm định nội dung giãn tiến độ đầu tư.

4. Trường hợp dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp thẩm định liên ngành, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định giãn tiến độ đầu tư dự án.

Trường hợp cuộc họp thẩm định liên ngành có yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hoàn thiện hồ sơ, trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định giãn tiến độ đầu tư dự án.

5. Trường hợp dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, thủ tục quyết định giãn tiến độ đầu tư dự án được thực hiện theo quy định sau:

a) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp thẩm định liên ngành, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định nội dung giãn tiến độ đầu tư dự án trình UBND tỉnh.

b) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Cơ quan đăng ký đầu tư, UBND tỉnh có văn bản chấp thuận giãn tiến độ đầu tư dự án, trường hợp từ chối UBND tỉnh sẽ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cần thiết UBND tỉnh có thể tổ chức cuộc họp để nghe nhà đầu tư báo cáo. Thời gian chấp thuận giãn tiến độ đầu tư dự án trong trường hợp này kéo dài thêm 05 ngày so với thời gian quy định tại Điểm này.

c) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận giãn tiến độ đầu tư dự án, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định giãn tiến độ đầu tư dự án.

6. Trường hợp giãn tiến độ đầu tư không phải vì lý do bất khả kháng hoặc không phải do lỗi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, Cơ quan đăng ký đầu tư tổ chức kiểm tra để xác định hành vi vi phạm trước khi chấp thuận giãn tiến độ đầu tư dự án. Thời gian chấp thuận giãn tiến độ đầu tư dự án trong trường hợp này kéo dài thêm 10 ngày so với thời gian quy định tại Khoản 2 Điều này.

7. Tổng thời gian giãn tiến độ đầu tư không quá 24 tháng. Trường hợp bất khả kháng thì thời gian khắc phục hậu quả bất khả kháng không tính vào thời gian giãn tiến độ đầu tư.

Mục 3

BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 18. Bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư phải ký quỹ trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, trừ các trường hợp sau:

a) Nhà đầu tư trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

b) Nhà đầu tư trúng đấu thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

c) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên cơ sở nhận chuyển nhượng dự án đầu tư đã thực hiện ký quỹ hoặc đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn theo tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư;

d) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất khác;

đ) Nhà đầu tư là đơn vị sự nghiệp có thu, công ty phát triển khu công nghệ cao được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng trong khu kinh tế.

2. Việc ký quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư sau khi dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư thì thời điểm ký quỹ là thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

3. Mức ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên vốn đầu tư của dự án theo nguyên tắc lũy tiến từng phần như sau:

- a) Đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng, mức ký quỹ là 3%;
- b) Đối với phần vốn trên 300 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ là 2%;
- c) Đối với phần vốn trên 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ là 1%.

4. Vốn đầu tư của dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều này không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp cho Nhà nước và chi phí xây dựng các công trình công cộng thuộc dự án đầu tư. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trong từng giai đoạn, mức ký quỹ được tính theo vốn đầu tư của dự án tương ứng với từng giai đoạn giao đất, cho thuê đất.

5. Tiền ký quỹ được nộp vào tài khoản của Cơ quan đăng ký đầu tư mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam theo lựa chọn của nhà đầu tư. Nhà đầu tư chịu chi phí liên quan đến việc mở, duy trì tài khoản ký quỹ và thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản ký quỹ.

Đối với các dự án trọng điểm, UBND tỉnh sẽ xem xét áp dụng biện pháp bảo đảm thực hiện dự án đầu tư phù hợp.

6. Nhà đầu tư được giảm tiền ký quỹ trong các trường hợp sau:

a) Giảm 25% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất;

b) Giảm 50% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghệ cao, khu kinh tế, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu kinh tế.

7. Nhà đầu tư đã tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư được hoãn thực hiện nghĩa vụ ký quỹ tương ứng với số tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư đã tạm ứng. Số tiền đã tạm ứng này được phép sử dụng để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều này.

8. Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi các điều kiện ký quỹ, Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư thỏa thuận điều chỉnh việc ký quỹ theo quy định tại Điều này.

Điều 19. Hồ sơ, thủ tục bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

1. Đối với dự án thuộc trường hợp phải bảo đảm thực hiện dự án, nhà đầu tư lập văn bản cam kết bảo đảm thực hiện dự án (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*), nộp tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản cam kết bảo đảm thực hiện dự án, Cơ quan đăng ký đầu tư cùng nhà đầu tư ký văn bản thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

2. Nhà đầu tư thực hiện thủ tục bảo đảm theo văn bản thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thủ tục bảo đảm thực hiện dự án đầu tư cho cơ quan giải quyết thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để cơ quan này giải quyết thủ tục đất đai cho nhà đầu tư.

Điều 20. Hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư được hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo nguyên tắc sau:

a) Hoàn trả 50% số tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp các giấy phép, chấp thuận cần thiết để thực hiện hoạt động

xây dựng (nếu có) không chậm hơn tiến độ tại Văn bản cam kết bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

b) Hoàn trả 50% số tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư còn lại và lãi suất phát sinh từ khoản bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (nếu có) tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị để vận hành dự án không chậm hơn tiến độ tại Văn bản cam kết bảo đảm thực hiện dự án đầu tư;

c) Trường hợp giảm vốn đầu tư của dự án, nhà đầu tư được hoàn trả số tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư tương ứng với số vốn đầu tư giảm theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

d) Trường hợp dự án đầu tư không thể tiếp tục thực hiện vì lý do bất khả kháng hoặc do lỗi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nhà đầu tư được xem xét hoàn trả khoản tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo thỏa thuận với Cơ quan đăng ký đầu tư.

2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định việc cho phép hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp dự án không thực hiện đúng tiến độ tại Văn bản cam kết bảo đảm thực hiện dự án đầu tư vì lý do bất khả kháng hoặc do lỗi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nhà đầu tư được xem xét gia hạn thời hạn bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày đến hạn phải hoàn thành dự án theo tiến độ đã cam kết, Cơ quan đăng ký đầu tư cùng nhà đầu tư ký lại văn bản thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo cam kết mới.

4. Tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư không hoàn trả nhà đầu tư và nộp vào ngân sách nhà nước trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.

Việc quản lý và sử dụng tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư không hoàn trả cho nhà đầu tư được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý ngân sách Nhà nước.

Chương IV LẬP VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN

Mục 1

QUY HOẠCH CHI TIẾT, QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG

Điều 21. Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng

1. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng khu vực được giao đầu tư.

2. Phân cấp thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch như sau:

a) Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính từ hai huyện (thành phố, thị xã hoặc huyện) trở lên; khu đô thị mới; khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu vực có ý nghĩa quan trọng.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô tổ chức thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch tổng mặt bằng các khu chức năng, các dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt.

c) Phòng có chức năng quản lý quy hoạch thuộc UBND cấp huyện thẩm định trình UBND cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch tổng mặt bằng các khu chức năng, các làng nghề, các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung do các chủ đầu tư dự án lập thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ quy định tại Điểm a, b Khoản này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

3. Thời gian lập nhiệm vụ không quá 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng tư vấn giữa chủ đầu tư với tổ chức tư vấn lập quy hoạch. Thời gian thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Điều 22. Lập quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng

Nhà đầu tư lập quy hoạch chi tiết xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng đất có diện tích từ 05 ha trở lên (từ 02 ha trở lên đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư).

Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng đất có diện tích nhỏ hơn 05 ha (nhỏ hơn 02 ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì nhà

đầu tư có thể lập quy hoạch tổng mặt bằng mà không phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng.

Điều 23. Phân cấp thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng

1. Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính từ hai huyện (thành phố, thị xã hoặc huyện) trở lên, khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực có ý nghĩa quan trọng.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô tổ chức thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch tổng mặt bằng các khu chức năng, các dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt.

3. Phòng có chức năng quản lý quy hoạch thuộc UBND cấp huyện thẩm định trình UBND cấp huyện phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch tổng mặt bằng các khu chức năng, các làng nghề, các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung do các chủ đầu tư dự án lập thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ quy định tại Điểm a, b Khoản này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

Điều 24. Hồ sơ, thời gian thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng

1. Nhà đầu nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại cơ quan thẩm định quy hoạch theo phân cấp được quy định tại Điều 23 Quy định này.

2. Thời gian cơ quan thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Thời gian UBND tỉnh hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô hoặc UBND cấp huyện phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định của cơ quan, bộ phận thẩm định, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Thời gian cơ quan, bộ phận thẩm định quy hoạch tổng mặt bằng không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Thời gian UBND tỉnh hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô hoặc UBND cấp huyện phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định của cơ quan, bộ phận thẩm định, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Đối với dự án nằm trong khu vực phát triển đô thị, cơ quan thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng có trách nhiệm lấy ý kiến của Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị tỉnh về giải pháp đấu nối hạ tầng trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 25. Hồ sơ, thời gian góp ý thiết kế về PCCC tại giai đoạn quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng

1. Trường hợp dự án thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ, Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị góp ý thiết kế về PCCC tại giai đoạn quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng (theo Phụ lục II kèm theo Quy định này) tại Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh.

2. Thời gian Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh góp ý giải pháp về PCCC đối với hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**Mục 2
THIẾT KẾ CƠ SỞ**

Điều 26. Phân cấp thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng. Nhà đầu tư thẩm định thiết kế cơ sở của những dự án còn lại.

Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình từ cấp II trở xuống được xây dựng trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt.

2. Đối với dự án bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở là cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp có chức năng quản lý loại công trình quyết định tính chất, mục tiêu của dự án.

Điều 27. Hồ sơ, thời gian thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Sau khi quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng được phê duyệt, Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở (theo Phụ lục

II kèm theo Quy định này) tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp được quy định tại Điều 26 Quy định này.

2. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án nhóm A không quá 30 ngày, dự án nhóm B không quá 20 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Đối với dự án nằm trong khu vực phát triển đô thị, cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm lấy ý kiến của Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị tỉnh về giải pháp đấu nối hạ tầng trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 28. Hồ sơ, thời gian thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ dự án đầu tư

1. Trường hợp dự án thuộc diện phải thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ theo quy định, Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Thời gian Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, có ý kiến bằng văn bản không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 29. Hồ sơ, thời gian góp ý giải pháp về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cơ sở

1. Trường hợp dự án thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ, Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị góp ý giải pháp về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cơ sở (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh.

2. Thời gian Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh góp ý giải pháp về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cơ sở không quá 10 ngày đối với dự án nhóm A, không quá 05 ngày đối với dự án nhóm B và C, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Mục 3

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Điều 30. Phân cấp thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM đối với các dự án đầu tư nằm ngoài các khu công nghiệp, khu kinh tế.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế.

Thủ tục thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM áp dụng đối với các dự án thuộc “Danh mục các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường” ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

2. UBND cấp huyện nơi triển khai dự án xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án trừ Khoản 1 Điều này. UBND cấp huyện có thể ủy quyền cho UBND cấp xã nơi thực hiện dự án xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với những dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình nằm trên địa bàn một xã.

Thủ tục xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường áp dụng đối với các dự án đầu tư ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 31. Hồ sơ, thời gian thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc xác nhận cam kết bảo vệ môi trường

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo ĐTM (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại cơ quan được phân cấp thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM tại Khoản 1 Điều 30 Quy định này.

2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại cơ quan được phân cấp xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 30 Quy định này.

3. Thời gian thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM là 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Thời gian xem xét, cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là 10 ngày, kể từ ngày nhận được bản đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hợp lệ.

Mục 4 PHÊ DUYỆT DỰ ÁN

Điều 32. Phê duyệt dự án

Nhà đầu tư chịu trách nhiệm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sau khi hoàn tất các thủ tục về quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế cơ sở, thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ, thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường,... theo quy định.

Mục 5

THIẾT KẾ KỸ THUẬT

Điều 33. Thẩm quyền, hồ sơ, thời gian thẩm định thiết kế kỹ thuật

1. Thẩm quyền thẩm định thiết kế các công trình thuộc đối tượng thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp (được quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ) và văn bản phân cấp của UBND tỉnh.

2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp.

3. Thời gian cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp thẩm định không quá 40 ngày đối với công trình cấp I và cấp đặc biệt, không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III, không quá 20 ngày đối với các công trình còn lại, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 34. Thẩm quyền, hồ sơ, thời gian thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công

1. Trường hợp dự án thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ, nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh.

2. Thời gian Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công không quá 15 ngày đối với dự án nhóm A, không quá 10 ngày đối với dự án nhóm B và C, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Chương V

THU HỒI ĐẤT, BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ, GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT

Điều 35. Trình tự thủ tục thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh về trình tự, thủ

tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Điều 36. Trình tự thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

1. Sau khi thực hiện hoàn thành việc thu hồi đất, nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các dự án đầu tư nằm ngoài khu kinh tế hoặc tại Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đối với các dự án đầu tư trong khu kinh tế.

Thời gian giải quyết thủ tục giao đất, cho thuê đất sau khi đã hoàn thành việc bồi thường, giải phóng mặt bằng không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Đối với các dự án không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tự thỏa thuận mua tài sản gắn liền với đất theo quy định sau:

a) Trường hợp người sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thông qua hợp đồng chuyển nhượng được công chứng.

a1) Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính liên quan, nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị đăng ký biến động hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các dự án đầu tư nằm ngoài khu kinh tế hoặc tại Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đối với các dự án đầu tư trong khu kinh tế.

Thời gian giải quyết thủ tục đăng ký biến động hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

a2) Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các dự án đầu tư nằm ngoài khu kinh tế hoặc tại Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đối với các dự án đầu tư trong khu kinh tế.

Thời gian giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Trường hợp người sử dụng đất không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đất không thuộc trường hợp được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai, trình tự thủ tục thỏa thuận mua tài sản gắn liền với đất và giao đất, cho thuê đất được thực hiện như sau:

b1) Nhà đầu tư thỏa thuận mua tài sản gắn liền với đất thông qua hợp đồng được ký kết giữa hai bên, chủ sử dụng đất có văn bản trả lại đất cho Nhà nước;

b2) Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị thu hồi đất *(theo quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh)* tại cơ quan Tài nguyên và Môi trường để được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất;

b3) Sau khi thực hiện xong việc thu hồi đất, nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các dự án đầu tư nằm ngoài khu kinh tế hoặc tại Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đối với các dự án đầu tư trong khu kinh tế để được giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 37. Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 20/06/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương VI

CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG, KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆP THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, GIÁM SÁT ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Điều 38. Cấp giấy phép xây dựng

1. Thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng được UBND tỉnh quy định chi tiết tại văn bản phân cấp của UBND tỉnh.

2. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng *(theo Phụ lục II kèm theo Quy định này)* tại cơ quan được ủy quyền cấp giấy phép xây dựng.

Điều 39. Thẩm quyền, hồ sơ, thời gian kiểm tra công tác nghiệp thu công trình xây dựng

1. Các công trình được quy định tại Điểm c và d, Khoản 1, Điều 32, Nghị định số 46/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo

trì công trình xây dựng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệp vụ công trình xây dựng.

Thẩm quyền, trình tự kiểm tra công tác nghiệp vụ công trình xây dựng tuân thủ theo Điều 32, Nghị định số 46/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ và văn bản phân cấp của UBND tỉnh.

2. Các dự án, công trình quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ phải được Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy trước khi đưa vào sử dụng.

3. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệp vụ công trình xây dựng (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp; nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu về PCCC công trình xây dựng (*theo Phụ lục II kèm theo Quy định này*) tại Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh.

4. Thời gian cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu thời hạn 15 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I hoặc 10 ngày đối với các công trình còn lại kể từ khi kết thúc kiểm tra. Trường hợp chủ đầu tư phải thực hiện các yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng gồm: yêu cầu chủ đầu tư và các bên liên quan giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có); thực hiện thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục hoặc toàn bộ công trình thì thời hạn nêu trên được tính từ khi chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu này.

Thời gian cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh ra văn bản nghiệm thu về PCCC công trình xây dựng trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày thông qua biên bản kiểm tra nghiệm thu.

Điều 40. Giám sát đầu tư

1. UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan kiểm tra hoặc tự tổ chức giám sát đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. UBND tỉnh giao Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra hoặc tự tổ chức giám sát đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. UBND tỉnh giao Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra hoặc tự tổ chức giám sát đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

4. Quá trình giám sát đầu tư dự án và kết quả thực hiện phải được các cơ quan chức năng liên quan cập nhật thường xuyên và kịp thời trên Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

Chương VII

TẠM NGỪNG, THU HỒI, CHẤM DỨT DỰ ÁN

Điều 41. Tạm ngừng, ngừng hoạt động của dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư. Trường hợp tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư do bất khả kháng thì nhà đầu tư được miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động để khắc phục hậu quả do bất khả kháng gây ra.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây:

a) Để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của Luật Di sản văn hóa;

b) Để khắc phục vi phạm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về môi trường;

c) Để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về lao động;

d) Theo quyết định, bản án của Tòa án, Trọng tài;

đ) Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm.

3. Dự án đầu tư ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án trong trường hợp việc thực hiện dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo quyết định của Chính phủ.

Điều 42. Chấm dứt hiệu lực của văn bản quyết định chủ trương đầu tư

Văn bản quyết định chủ trương đầu tư chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

1. Theo quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

2. Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động trong các trường hợp:

a) Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án;

b) Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp;

c) Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;

d) Dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 41 của Quy định này mà nhà đầu tư không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động;

đ) Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư;

e) Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư;

g) Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với Cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định;

h) Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài.

Điều 43. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 42 Quy định này.

2. Việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư thực hiện theo thủ tục sau:

a) Trường hợp tự quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 42 Quy định này, nhà đầu tư gửi quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);

b) Trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo các điều kiện quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp hoặc hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều 42 Quy định này, nhà đầu tư thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) cho Cơ quan đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư;

c) Đối với dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại các Điểm d, đ, e, g và h Khoản 2 Điều 42 Quy định này, sau khi có ý kiến của UBND tỉnh, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đồng thời thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư có hiệu lực.

3. Đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hiệu lực của dự án đầu tư mà không thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư. Trong trường hợp này, nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), Giấy phép đầu tư tiếp tục có hiệu lực theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

4. Trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đồng thời chấm dứt hoạt động của tổ chức kinh tế thì nhà đầu tư thực hiện chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Điều này và thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

5. Sau khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động, việc thanh lý dự án đầu tư thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư tự thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản;

b) Dự án đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất và nhà đầu tư không tự thanh lý tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bị thu hồi đất, cơ quan ra quyết định thu hồi đất tổ chức thanh lý tài sản gắn liền với đất;

c) Đối với dự án đầu tư được nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, việc giải quyết quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

d) Trong quá trình thanh lý dự án đầu tư, nếu nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản thì việc thanh lý dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản tổ chức kinh tế.

Điều 44. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp Cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư

1. Trường hợp dự án đầu tư ngừng hoạt động và Cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục sau:

a) Lập biên bản liên ngành (gồm: Cơ quan đăng ký đầu tư, Cơ quan thuế và UBND cấp xã nơi thực hiện dự án) về việc dự án đầu tư ngừng hoạt động và không liên lạc được với nhà đầu tư;

b) Gửi văn bản yêu cầu nhà đầu tư liên lạc với Cơ quan đăng ký đầu tư để giải quyết việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đến địa chỉ mà nhà đầu tư đăng ký với Cơ quan đăng ký đầu tư. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi văn

bản theo quy định tại Điểm này mà nhà đầu tư không liên lạc, Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục quy định tại Điểm c Khoản này;

c) Gửi văn bản đề nghị hỗ trợ liên lạc với nhà đầu tư đến UBND cấp xã nơi nhà đầu tư cư trú (đối với nhà đầu tư trong nước là cá nhân), cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam của nước mà nhà đầu tư mang quốc tịch (đối với nhà đầu tư nước ngoài) đồng thời đăng tải thông báo yêu cầu nhà đầu tư liên lạc với Cơ quan đăng ký đầu tư để giải quyết việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong thời hạn 90 ngày trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

2. Sau khi thực hiện các biện pháp quy định tại Khoản 1 Điều này và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày dự án đầu tư ngừng hoạt động mà không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

3. Việc quản lý tài sản của dự án đầu tư sau khi Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự về quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú.

4. Trong phạm vi chức năng, thẩm quyền của mình, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Cơ quan đăng ký đầu tư chỉ định người giám sát việc quản lý tài sản của dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều này khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có quyền, lợi ích liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Cơ quan thuế, hải quan có trách nhiệm thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan để thu hồi nợ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của nhà đầu tư đối với nhà nước (nếu có);

c) Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai thực hiện thu hồi đất, xử lý tài sản gắn liền với đất trong trường hợp dự án đầu tư thuộc diện thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

d) Cơ quan quản lý nhà nước về lao động đề xuất, hướng dẫn hỗ trợ người lao động bị mất việc làm và giải quyết các chế độ liên quan theo quy định của pháp luật về lao động;

đ) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thực hiện hoạt động quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư trong phạm vi chức năng, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Mọi yêu cầu hoặc tranh chấp giữa nhà đầu tư với cá nhân, tổ chức về các quyền, nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư quy định tại Điều này được giải quyết tại Tòa án, Trọng tài theo thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật.

Chương VIII

QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP

Điều 45. Quy định chuyển tiếp đối với dự án đầu tư thực hiện trước ngày Luật Đầu tư 2014 có hiệu lực thi hành

1. Nhà đầu tư được tiếp tục thực hiện dự án đầu tư theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trước ngày Luật Đầu tư 2014 có hiệu lực.

2. Giấy phép đầu tư cấp cho nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cấp cho nhà đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư 2005 có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Nhà đầu tư không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định 118/2015/NĐ-CP và Quy định này đối với các dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cho phép thực hiện trước ngày Luật Đầu tư 2014 có hiệu lực thi hành.

Điều 46. Điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành

1. Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương cấp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định sau:

a) Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư kèm theo tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

b) Trường hợp điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; giãn tiến độ đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có); thay đổi nhà đầu tư và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có), nhà đầu tư

nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo Phụ lục II kèm theo Quy định này) cho Cơ quan đăng ký đầu tư.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan tổ chức cuộc họp, lập biên bản thẩm định liên ngành về những nội dung điều chỉnh.

Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp thẩm định liên ngành, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo trình UBND tỉnh. Trường hợp cuộc họp thẩm định liên ngành có yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hoàn thiện hồ sơ, trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo trình UBND tỉnh.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Cơ quan đăng ký đầu tư, UBND tỉnh có văn bản thống nhất các nội dung điều chỉnh, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cần thiết UBND tỉnh có thể tổ chức cuộc họp để nghe nhà đầu tư báo cáo. Thời gian thống nhất các nội dung điều chỉnh trong trường hợp này được kéo dài thêm 05 ngày so với thời gian quy định tại Khoản này.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất các nội dung điều chỉnh của UBND tỉnh, Cơ quan đăng ký đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) quy định nội dung dự án đầu tư được điều chỉnh và ghi lại toàn bộ nội dung dự án đầu tư không điều chỉnh đang có hiệu lực theo quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư và các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

2. Trường hợp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương quy định tại Khoản 1 Điều này đồng thời quy định nội dung đăng ký kinh doanh, Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) cho nhà đầu tư thay thế nội dung dự án đầu tư trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương. Nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương tiếp tục có hiệu lực.

3. Dự án đầu tư không thuộc diện quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật Đầu tư 2014 có hiệu lực thi hành nhưng thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư 2014, Nghị định 118/2015/NĐ-CP và Quy định này thì không phải thực

hiện thủ tục quyết định hoặc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư khi điều chỉnh dự án đầu tư, trừ các trường hợp sau:

a) Mở rộng quy mô dự án đầu tư dẫn đến dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 30, 31 Luật Đầu tư 2014;

b) Bổ sung mục tiêu dự án đầu tư mà mục tiêu được bổ sung thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 30, 31 Luật Đầu tư 2014;

c) Điều chỉnh dự án đầu tư trong đó có bổ sung một trong các nội dung: Đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; đề nghị Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc đề nghị sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

4. Đối với dự án đầu tư quy định tại Điểm a, b và c Khoản 3 Điều này, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tương ứng với từng loại dự án đầu tư quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP và Quy định này. Trong trường hợp này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư xem xét các nội dung điều chỉnh để quyết định chủ trương đầu tư.

5. Trường hợp giãn tiến độ đầu tư, điều chỉnh gia hạn tiến độ thực hiện dự án đầu tư đối với những dự án chưa thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 18 Quy định này trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh. Đối với dự án đã hoàn thành các thủ tục quy định tại Khoản a Điểm 1 Điều 20 Quy định này, mức ký quỹ bằng 50% so với quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 18 Quy định này.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 47. Công khai thông tin đầu tư

Các thông tin liên quan kêu gọi đầu tư phải được công khai đảm bảo nguyên tắc "mọi lúc, mọi nơi" phù hợp quy định, trình tự lựa chọn nhà đầu tư.

Nhà đầu tư, các cơ quan chức năng có trách nhiệm và nghĩa vụ tham gia Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

Điều 48. Quyền lợi và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư chỉ liên hệ với cơ quan chủ trì thụ lý hồ sơ mà không phải liên hệ với các cơ quan khác để được giải quyết trong thời gian quy định.

2. Nhà đầu tư có thể thực hiện các thủ tục hành chính song song (theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Quy định này) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, tính chính xác của nội dung hồ sơ, dự án do mình lập và nộp tại các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Nhà đầu tư được quyền yêu cầu các cơ quan chức năng cung cấp các thông tin về quy hoạch, về ưu đãi đầu tư; được hưởng các chế độ chính sách ưu đãi theo đúng quy định của nhà nước. Sau khi dự án được quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư được quyền yêu cầu các cơ quan chức năng thực hiện việc xem xét thẩm định hồ sơ theo đúng thời hạn quy định. Trong quá trình thực hiện dự án, nhà đầu tư được quyền đề nghị các cơ quan chức năng phối hợp xử lý các vấn đề khó khăn vướng mắc.

4. Nhà đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định của pháp luật, đúng theo tiến độ đăng ký. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hàng tháng nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo.

Đối với các dự án đã đi vào hoạt động, hàng tháng nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động định kỳ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo.

5. Nhà đầu tư gửi báo cáo bằng văn bản và trực tuyến trên Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

Điều 49. Trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh

1. Các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, hướng dẫn cụ thể; kịp thời xử lý các vướng mắc và giải quyết nhanh gọn các thủ tục liên quan cho nhà đầu tư trong quá trình nghiên cứu, triển khai thực hiện dự án; phối hợp với cơ quan chủ trì, khi cần thiết phải có ý kiến bằng văn bản trong thời gian quy định và chịu trách nhiệm về các vấn đề thuộc chức năng và thẩm quyền quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên môn hoặc địa bàn do mình phụ trách.

2. Việc chia sẻ thông tin liên quan đến hồ sơ dự án đầu tư được cập nhật và khai thác tại Hệ thống phần mềm giám sát, quản lý dự án đầu tư.

3. Các cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ, cơ quan phối hợp và cơ quan phê duyệt có trách nhiệm thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục cho nhà đầu tư theo cơ chế một cửa theo quy định hiện hành.

4. Các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cử cán bộ tham dự các cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến theo Quy định này. Ý kiến của cán bộ tham dự cuộc họp là ý kiến chính thức của cơ quan, đơn vị mình. Trường hợp có ý kiến khác,

cơ quan, đơn vị cử cán bộ tham dự họp phải có văn bản gửi cơ quan chủ trì cuộc họp trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp.

Điều 50. Tổ chức thực hiện

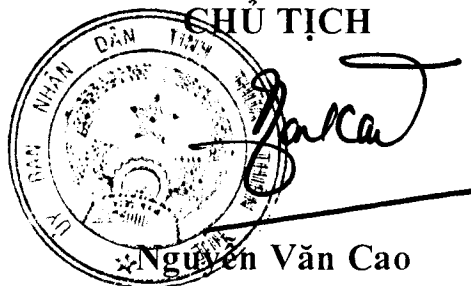
1. Cơ quan đăng ký đầu tư lập Kế hoạch triển khai thủ tục đầu tư xây dựng đối với từng dự án cụ thể (theo trình tự thủ tục được quy định tại phụ lục I kèm theo Quy định này), để ban hành hoặc trình UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Các Sở, ban, ngành và nhà đầu tư theo quy định tại Kế hoạch triển khai hỗ trợ thủ tục đầu tư xây dựng tại Khoản 1 Điều này tổ chức triển khai đảm bảo đúng tiến độ đã quy định, định kỳ hàng tháng gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định tại Quy định này.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu gặp vấn đề vướng mắc, các nhà đầu tư, các tổ chức liên quan kịp thời gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**





PHỤ LỤC I
TRÌNH TỰ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG HÌNH THÀNH VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
KHÔNG SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số **26** /2016/QĐ-UBND ngày **25** tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. DỰ ÁN THUỘC THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG CỦA UBND TỈNH

Stt	Tên công việc	Thời gian giải quyết tối đa (ngày làm việc)	Đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện
I	Quyết định chủ trương đầu tư	35		
I.1	Giới thiệu thông tin địa điểm	15		
1	Gửi đề nghị giới thiệu địa điểm dự án đầu tư		Nhà đầu tư	Theo mẫu tại Phụ lục III đính kèm
2	Giới thiệu thông tin địa điểm	15	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Văn bản giới thiệu thông tin địa điểm của Cơ quan tiếp nhận hồ sơ
I.2	Quyết định chủ trương đầu tư	20		
1	Trường hợp không Đấu giá quyền sử dụng đất/ Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án			
a	Nộp hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được giới thiệu thông tin địa điểm	Nhà đầu tư	Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm
b	Quyết định chủ trương đầu tư	20	Cơ quan đăng ký đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh/ BQL KKT, các KCN tỉnh

2	Trường hợp Đấu giá quyền sử dụng đất/ Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	Thực hiện theo quy định riêng		
II	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			
1	Nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	15	Cơ quan đăng ký đầu tư	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cơ quan đăng ký đầu tư cấp
III	Quy hoạch chi tiết/Quy hoạch tổng mặt bằng			Có thể thực hiện song song Mục II
1	Lập nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết/ Quy hoạch tổng mặt bằng	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng tư vấn giữa chủ đầu tư với tổ chức tư vấn lập Quy hoạch	Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
2	Thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết/ Quy hoạch tổng mặt bằng	20	Nhà đầu tư	Văn bản thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch của nhà đầu tư
3	Lập Quy hoạch chi tiết/ Quy hoạch tổng mặt bằng	Trong vòng 06 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt	Nhà đầu tư	
4	Nộp hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết/Quy hoạch tổng mặt bằng		Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
5	Nộp hồ sơ đề nghị góp ý thiết kế về PCCC tại giai đoạn Quy hoạch chi	Thực hiện song	Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại</i>

	tiết/ Quy hoạch tổng mặt bằng	song Mục III.4		<i>phụ lục II đính kèm</i>
6	Thẩm định đồ án Quy hoạch chi tiết/ Quy hoạch tổng mặt bằng	25	Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp	Văn bản thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp
7	Góp ý thiết kế về PCCC tại giai đoạn Quy hoạch chi tiết/ Quy hoạch tổng mặt bằng	10	Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh	Văn bản góp ý thiết kế về PCCC tại giai đoạn Quy hoạch chi tiết/Quy hoạch tổng mặt bằng
8	Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết/ Quy hoạch tổng mặt bằng	07	UBND tỉnh/ UBND cấp huyện/ BQL Khu kinh tế	Văn bản phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch của UBND tỉnh/ UBND cấp huyện/ BQL KKT
IV	Thiết kế cơ sở/ Thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ/ Thẩm duyệt về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cơ sở	15-30		
IV.1	Thiết kế cơ sở	15-30		
1	Nộp hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có Quyết định chủ trương đầu tư/ trúng đấu giá, đấu thầu	Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
2	Thẩm định thiết kế cơ sở	30 ngày đối với dự án Nhóm A 20 ngày đối với dự án Nhóm B 15 ngày đối với dự án Nhóm C	Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp	Văn bản thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp

IV.2	Thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ	15		
1	Nộp hồ sơ đề nghị thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ	Thực hiện song song Mục IV.1	Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
2	Thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ	15	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ của Sở KH&CN
IV.3	Thẩm duyệt về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cơ sở			
1	Nộp hồ sơ đề nghị thẩm duyệt về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cơ sở	Thực hiện song song Mục IV.1	Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
2	Thẩm duyệt về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cơ sở	10 ngày đối với dự án Nhóm A 05 ngày đối với dự án Nhóm B,C	Cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa và cháy tinh	Văn bản thẩm duyệt về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cơ sở
V	Thiết kế kỹ thuật/ Thiết kế bản vẽ thi công/ Đánh giá tác động môi trường/ Thẩm duyệt PCCC			
V.1	Đánh giá tác động môi trường	10-30		
1	Báo cáo ĐTM	30		
a	Nộp hồ sơ đề nghị thẩm định đánh giá tác động môi trường		Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
b	Thẩm định đánh giá tác động môi trường	30	Sở TN&MT/ BQL KKT. các KCN tỉnh	Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Sở TN&MT/ BQL KKT. các KCN tỉnh
2	Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	10		

a	Nộp hồ sơ đề nghị xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường		Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
b	Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	10	UBND cấp huyện/ UBND cấp xã	Văn bản xác nhận Kế hoạch Bảo vệ môi trường của UBND cấp huyện/xã
V.2	Thiết kế kỹ thuật/ Thiết kế bản vẽ thi công	30-40		Thực hiện song song Mục V.1
1	Nộp hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có QĐ chủ trương đầu tư/ trúng đấu giá, đấu thầu	Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
2	Thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công	40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt 30 ngày đ/v công trình cấp II, III 20 ngày đối với công trình còn lại	Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp	Văn bản thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp
V.3	Thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy	15		Thực hiện song song Mục V.1, V.2
1	Nộp hồ sơ đề nghị thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công		Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
2	Thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy Chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công	15 ngày đối với dự án Nhóm A 10 ngày đối với dự án Nhóm	Cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa và cháy tính	Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ

		B.C		thi công
VI	Thu hồi đất, bồi thường GPMB			<i>Thực hiện theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25/09/2014 của UBND tỉnh</i>
VII	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất			
VII.1	Giao đất, cho thuê đất			
1	Nộp hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất		Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
2	Giao đất, cho thuê đất	20	Sở TN&MT/ BQL KKT	Quyết định giao đất, cho thuê đất của UBND tỉnh
VII.2	Chuyển mục đích sử dụng đất			
1	Nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
2	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	05	Sở TN&MT/ BQL KKT	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
3	Nộp hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất		Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
4	Chuyển mục đích sử dụng đất	15	Sở TN&MT/ BQL KKT	Giấy chứng nhận chuyển mục đích sử dụng đất
VII.3	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất			<i>Thực hiện theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh</i>
VII	Giấy phép xây dựng	05		

1	Nộp hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục trên	Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
2	Cấp phép xây dựng	05	Sở Xây dựng/ BQL KKT, các KCN tỉnh/ UBND cấp huyện	Giấy phép xây dựng
VIII	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	10-15		
1	Nộp hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng		Nhà đầu tư	<i>Thành phần hồ sơ tại phụ lục II đính kèm</i>
2	Chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng	10-15	Cơ quan chuyên môn về xây dựng	Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng
3	Nghiệm thu về PCCC công trình xây dựng	07 ngày, thực hiện song song với Mục 2, VIII	Cơ quan Cảnh sát PCCC tỉnh	Văn bản nghiệm thu về PCCC

B. DỰ ÁN THUỘC THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Trước khi thực hiện các thủ tục hành chính như ở Mục A, nhà đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan phải thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ.

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ dự án đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư nơi thực hiện dự án. *Thành phần hồ sơ theo phụ lục II kèm theo Quy định này.*

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư tham mưu UBND tỉnh gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan đến nội dung dự án.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi cơ quan đăng ký đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư trình UBND tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản quy định tại khoản 4 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật Đầu tư, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

6. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư gồm các nội dung quy định tại Khoản 8 Điều 33 của Luật Đầu tư.

C. DỰ ÁN THUỘC THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG CỦA QUỐC HỘI

Trước khi thực hiện các thủ tục hành chính như ở Mục A, nhà đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan phải thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chủ trương của Quốc hội.

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ dự án đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư nơi thực hiện dự án đầu tư. *Thành phần hồ sơ theo phụ lục II kèm theo Quy định này.*

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư tham mưu UBND tỉnh gửi hồ sơ dự án đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 33 của Luật Đầu tư và lập báo cáo thẩm định trình Chính phủ.

4. Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội.

7. Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra; giải trình về những vấn đề thuộc nội dung dự án khi cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội yêu cầu.

8. Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư.



PHỤ LỤC II

DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG HÌNH THỨC VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHÔNG SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số **26** /2016/QĐ-UBND ngày **25** tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo thành phần của từng thủ tục hành chính được quy định dưới đây. *Các văn bản có kèm theo mẫu được hệ thống chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định.*

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ để nhà đầu tư sửa đổi hoặc bổ sung.

1. Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: 04 bộ hồ sơ, trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc.

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (theo mẫu) (Bản chính);

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (theo mẫu) (Bản chính);

- Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp Bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư (đăng ký cùng văn bản đề xuất dự án đầu tư) (Bản chính);

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (đăng ký cùng văn bản đề xuất dự án đầu tư) (Bản chính).

2. Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư của Chính phủ: 08 bộ hồ sơ, trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc.

- Hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Phụ lục này;
- Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);
- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường;
- Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư.

3. Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội: 08 bộ hồ sơ, trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc.

- Hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Phụ lục này;
- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường;
- Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;
- Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có).

4. Hồ sơ điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư: 04 bộ hồ sơ, trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc.

- Văn bản đề nghị điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư (theo mẫu);
- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (theo mẫu);
- Báo cáo giải trình về các nội dung điều chỉnh dự án;
- Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương trong trường hợp thay đổi nhà đầu tư; Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương (nếu có); Bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

5. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp quyết định chủ trương đầu tư: 02 bộ hồ sơ, trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc.

- Hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Phụ lục này.

6. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 02 bộ hồ sơ, trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc.

- Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo mẫu) (Bản chính);
- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (theo mẫu) (Bản chính);
- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (Bản chính);
- Tài liệu quy định tại Khoản 1 Phụ lục này (trừ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư) liên quan đến các nội dung điều chỉnh.

7. Hồ sơ giãn tiến độ đầu tư: 02 bộ hồ sơ, trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc.

- Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (theo mẫu) (Bản chính);
- Báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đến thời điểm giãn tiến độ (Bản chính);
- Giải trình lý do và thời hạn giãn tiến độ thực hiện dự án (Bản chính);
- Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án, bao gồm kế hoạch góp vốn, tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động (Bản chính);
- Cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án (Bản chính).

8. Hồ sơ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư: 01 bộ hồ sơ.

- Văn bản cam kết bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (theo mẫu) (Bản chính);
- Đề xuất giao đất, cho thuê đất theo từng giai đoạn tương ứng vốn đầu tư của từng giai đoạn dự án (theo mẫu) (Bản chính).

9. Hồ sơ hoàn trả số tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư: 01 bộ hồ sơ.

- Văn bản đề nghị hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (theo mẫu) (Bản chính);
- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm đề nghị hoàn trả số tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (theo mẫu) (Bản chính).
- Các hồ sơ, chứng từ khối lượng công việc đã hoàn thành (Bản sao).

10. Hồ sơ đề nghị thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng: 01 bộ hồ sơ.

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án quy hoạch (theo mẫu) (01 Bản chính);
- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ thiết kế (02 Bản sao);

- Thuyết minh tổng hợp bao gồm các bản vẽ Quy hoạch in màu thu nhỏ (hồ sơ Quy hoạch theo Nhiệm vụ thiết kế được duyệt) (08 Bản chính);
- Các bản vẽ quy hoạch được in màu đúng tỷ lệ quy định, có đóng dấu xác nhận của Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn (08 bộ Bản chính);
- Đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án (02 đĩa CD).
- Các văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan quản lý chuyên ngành về quy hoạch xây dựng, thông báo kết luận của UBND tỉnh về đồ án (nếu có); Bản tổng hợp về việc lấy ý kiến dân cư trong vùng lập quy hoạch (nếu có) (02 Bản sao);
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt (02 Bản chính);
- Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án (02 Bản chính);
- Hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch và chứng chỉ hành nghề của cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế đồ án quy hoạch (02 bộ Bản sao).

11. Hồ sơ đề nghị thẩm định quy hoạch tổng mặt bằng: 01 bộ hồ sơ.

- Đơn đề nghị chấp thuận quy hoạch tổng thể mặt bằng và phương án kiến trúc sơ bộ (theo mẫu) (Bản chính);
- Văn bản chủ trương của cấp có thẩm quyền (Bản sao);
- Hồ sơ thuyết minh dự án và văn bản liên quan (Bản chính);
- Bản vẽ tổng mặt bằng (Bản chính);
- Phương án kiến trúc công trình (Bản chính);
- Giải pháp về hạ tầng kỹ thuật trong nội dung thiết kế cơ sở phù hợp với quy hoạch phân khu; Đảm bảo sự đấu nối hạ tầng kỹ thuật và phù hợp về không gian kiến trúc với khu vực xung quanh (Bản chính).

12. Hồ sơ đề nghị góp ý thiết kế về phòng cháy chữa và cháy tại giai đoạn quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng: 01 bộ hồ sơ.

- Văn bản đề nghị xem xét, cho ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy (Bản chính);
- Dự toán tổng mức đầu tư của dự án thiết kế quy hoạch (Bản chính);
- Các tài liệu và bản vẽ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1:500 thể hiện những nội dung yêu cầu về giải pháp phòng cháy và chữa cháy (quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12 Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/07/2014 của Chính phủ Quy

định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy) (Bản chính).

13. Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở: 02 bộ hồ sơ.

- Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng (theo mẫu) (Bản chính);

- Quyết định phê duyệt về chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng (Bản sao);

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) (Bản sao);

- Văn bản về quy hoạch (quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết, chứng chỉ quy hoạch, thông tin quy hoạch do cơ quan có thẩm quyền cấp...) (Bản sao);

- Hồ sơ pháp lý, năng lực của đơn vị tư vấn lập dự án, khảo sát, thiết kế và chứng chỉ hành nghề của cá nhân lập dự án, khảo sát, thiết kế (Bản sao);

- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát (địa hình, địa chất) (Bản sao);

- Trường hợp dự án có xử lý công trình hiện có, nộp thêm quyết định hoặc văn bản cho phép của cấp có thẩm quyền về xử lý công trình hiện trạng (sửa chữa, cải tạo, tháo dỡ, ...) (Bản sao);

- Biên bản nghiệm thu thiết kế cơ sở (Bản sao);

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (được lập theo quy định tại Điều 54 của Luật Xây dựng 2014) (Bản chính);

- Văn bản góp ý về phòng chống cháy nổ của cơ quan Cảnh sát PCCC (nếu có);

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp dự án phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường).

14. Hồ sơ đề nghị thẩm định cơ sở khoa học, công nghệ: 01 bộ hồ sơ.

- Văn bản đề nghị thẩm định cơ sở khoa học, công nghệ của dự án đầu tư (theo mẫu) (Bản chính);

- Báo cáo kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng dự án đầu tư (Bản chính);

- Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu (Bản chính);

- Giải trình kinh tế - kỹ thuật, trong đó nêu rõ quy trình công nghệ, phân tích và lựa chọn phương án công nghệ, danh mục máy móc, trang thiết bị, dây chuyền công nghệ (Bản chính);

- Đánh giá tác động của công nghệ đến môi trường và hiệu quả kinh tế - xã hội (Bản chính);

- Các tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao);

- Dự thảo hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có nội dung góp vốn bằng công nghệ) (Bản chính).

15. Hồ sơ đề nghị góp ý giải pháp về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở: 01 bộ hồ sơ.

- Văn bản đề nghị xem xét, cho ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy (Bản chính);

- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền (Bản sao);

- Dự toán tổng mức đầu tư dự án, công trình (Bản chính);

- Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế cơ sở thể hiện những nội dung yêu cầu về giải pháp phòng cháy và chữa cháy (quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 13 Nghị định 79/2014/NĐ-CP) (Bản chính).

16. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 01 bộ hồ sơ.

- 01 văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (theo mẫu) (Bản chính);

- 07 bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (Bản chính);

- 01 bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác (Bản chính).

17. Hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường: 01 bộ hồ sơ.

- 03 bản kế hoạch bảo vệ môi trường (Bản chính);

- 01 báo cáo đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của chủ dự án (Bản chính).

18. Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: 01 bộ hồ sơ.

- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng công trình (theo mẫu) (Bản chính);

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (Bản sao);

- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng (Bản sao);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về các nội dung đã tổ chức thẩm định thiết kế (Bản chính);

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Bản chính);

- Văn bản phê duyệt phòng cháy chữa cháy (nếu có, Bản sao);
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có, Bản sao);
- Báo cáo năng lực của nhà thầu tư vấn thiết kế, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất được chủ đầu tư xác nhận (Bản chính);
- Chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm khảo sát xây dựng, chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế (Bản sao);
- Nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát địa hình được chủ đầu tư phê duyệt, kèm theo quyết định phê duyệt của chủ đầu tư (Bản sao);
- Báo cáo kết quả khảo sát địa hình (Bản sao);
- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát địa hình (Bản sao);
- Nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát địa chất được chủ đầu tư phê duyệt, kèm theo quyết định phê duyệt của chủ đầu tư (Bản sao);
- Báo cáo kết quả khảo sát địa chất (Bản sao);
- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát địa chất (Bản sao);
- Tập hồ sơ thuyết minh thiết kế xây dựng kèm file mềm (giải pháp thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật) (Bản chính);
- Tập bản vẽ và file mềm thể hiện hồ sơ thiết kế xây dựng công trình (Bản chính);
- Hồ sơ đánh giá hiện trạng công trình (đối với công trình sửa chữa, cải tạo) (Bản sao).

19. Hồ sơ đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: 01 bộ hồ sơ.

- Văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (Bản chính);
- Bản sao văn bản chấp thuận quy hoạch của cấp có thẩm quyền;
- Dự toán tổng mức đầu tư dự án, công trình (Bản chính);
- Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công thể hiện những nội dung yêu cầu về PC&CC (quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 13 Nghị định 79/2014/NĐ-CP) (Bản chính).

20. Hồ sơ đề nghị giao đất hoặc cho thuê đất: 01 bộ hồ sơ.

- Đơn xin giao đất hoặc cho thuê đất (theo mẫu) (02 Bản chính);
- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (02 Bản sao) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (02 Bản sao);
- Văn bản xác nhận của UBND cấp huyện về việc đã hoàn thành bồi

thường, giải phóng mặt bằng (02 Bản sao);

- Dự án đầu tư và Quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định (02 Bản sao);

- Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất (07 Bản chính);

- Báo cáo ĐTM được phê duyệt hoặc bản đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận (02 Bản sao);

- Giấy phép thành lập doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (02 Bản sao).

21. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trường hợp nhận chuyển nhượng: 01 bộ hồ sơ.

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản khác gắn liền với đất (theo mẫu) (02 Bản chính);

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (01 Bản sao);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của người chuyển nhượng (01 Bản chính);

- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (01 Bản sao).

22. Hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất: 01 bộ hồ sơ.

- Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (theo mẫu) (02 Bản chính);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (02 Bản sao);

- Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất (02 Bản chính);

- Văn bản chấp thuận của UBND tỉnh cho phép thực hiện dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (02 Bản sao);

- Dự án đầu tư và Quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định (02 Bản sao);

- Báo cáo ĐTM được phê duyệt hoặc bản đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận (02 Bản sao);

- Giấy phép thành lập doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (02 Bản sao).

23. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng: 01 bộ hồ sơ.

- 02 Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho dự án (theo mẫu) (Bản chính);

- 02 Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (Bản sao);
- 03 Bộ bản vẽ thiết kế xây dựng công trình (Bản chính).

24. Hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng:
01 bộ hồ sơ.

- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình kèm Danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình (theo mẫu) (Bản chính).

- Các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

- Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo);

- Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình;

- Các chứng chỉ xuất xứ, nhãn mác hàng hóa, công bố sự phù hợp về chất lượng của nhà sản xuất, chứng nhận hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Thương mại và các quy định pháp luật khác có liên quan;

- Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công và quan trắc trong quá trình vận hành;

- Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng;

- Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có);

- Lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình;

- Quy trình vận hành, khai thác công trình; quy trình bảo trì công trình;

- Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:

+ Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;

+ An toàn phòng cháy, chữa cháy;

+ An toàn môi trường;

+ An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;

+ Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có Giấy phép xây dựng);

+ Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;

+ Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có);

- Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục/ công trình đưa vào sử dụng của Chủ đầu tư;

- Các phụ lục tồn tại cần sửa chữa, khắc phục sau khi đưa công trình vào sử dụng;

- Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

25. Hồ sơ đề nghị nghiệm thu về PCCC công trình xây dựng: 01 bộ hồ sơ.

- Bản sao giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC của Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy;

- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC đã lắp đặt trong công trình;

- Các biên bản thử nghiệm, nghiệm thu từng phần và nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống PCCC;

- Các bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC và các hạng mục liên quan đến PCCC phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt;

- Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống PCCC của công trình;

- Văn bản nghiệm thu hoàn thành hệ thống, thiết bị có liên quan về PCCC.



PHỤ LỤC III
DANH MỤC CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG HÌNH THÀNH
VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHÔNG SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số **26** /2016/QĐ-UBND ngày **25** tháng 4
năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Stt	Danh mục	Ký hiệu	Nguồn
I. Mẫu văn bản áp dụng đối với nhà đầu tư			
1	Văn bản đề nghị giới thiệu địa điểm dự án đầu tư	<u>Mẫu 1</u>	Mẫu tham khảo
2	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư	<u>Mẫu 2</u>	Mẫu quy định tại Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ KH&ĐT
3	Đề xuất dự án đầu tư (trường hợp dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)	<u>Mẫu 3</u>	
4	Đề xuất dự án đầu tư (trường hợp dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)	<u>Mẫu 4</u>	
5	Văn bản đề nghị điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư	<u>Mẫu 5</u>	
6	Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trường hợp điều chỉnh dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)	<u>Mẫu 6</u>	
7	Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh	<u>Mẫu 7</u>	
8	Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư	<u>Mẫu 8</u>	
9	Văn bản cam kết bảo đảm thực hiện dự án đầu tư	<u>Mẫu 9</u>	
10	Đề xuất giao đất, cho thuê đất theo từng giai đoạn tương ứng vốn đầu tư của từng giai đoạn dự án	<u>Mẫu 10</u>	Mẫu tham khảo
11	Văn bản đề nghị hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư	<u>Mẫu 11</u>	Mẫu tham khảo
12	Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án quy hoạch	<u>Mẫu 12</u>	Mẫu tham khảo
13	Đơn đề nghị chấp thuận quy hoạch tổng thể mặt bằng và phương án kiến trúc sơ bộ	<u>Mẫu 13</u>	Mẫu tham khảo
14	Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng	<u>Mẫu 14</u>	Mẫu theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ
15	Văn bản đề nghị thẩm định cơ sở khoa học, công nghệ dự án đầu tư	<u>Mẫu 15</u>	Mẫu tham khảo
16	Bản đề nghị thẩm định và phê duyệt	<u>Mẫu 16</u>	Mẫu theo quy định Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày

Stt	Danh mục	Ký hiệu	Nguồn
	báo cáo ĐTM		29/5/2015 của Bộ TN&MT
17	Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng công trình	<u>Mẫu 17</u>	Mẫu theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ
18	Đơn xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	<u>Mẫu 18</u>	Mẫu theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT
19	Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản khác gắn liền với đất	<u>Mẫu 19</u>	Mẫu theo quy định tại Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT
20	Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho dự án	<u>Mẫu 20</u>	Mẫu theo quy định tại Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 10/12/2012 của Bộ Xây dựng
21	Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình Danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình	<u>Mẫu 21a</u> <u>Mẫu 21b</u>	Mẫu theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng
II. Mẫu văn bản áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư			
22	Mẫu Thông báo của UBND tỉnh về việc thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư	<u>Mẫu 22</u>	Mẫu tham khảo
23	Mẫu Văn bản giới thiệu thông tin địa điểm của Cơ quan đăng ký đầu tư	<u>Mẫu 23</u>	Mẫu tham khảo
24	Mẫu Văn bản quyết định chủ trương đầu tư	<u>Mẫu 24</u>	
25	Mẫu Văn bản Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trường hợp dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới)	<u>Mẫu 25</u>	
26	Mẫu Văn bản Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trường hợp dự án cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	<u>Mẫu 26</u>	Mẫu quy định tại Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ KH&ĐT
27	Mẫu Văn bản thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư	<u>Mẫu 27</u>	

1. **Mẫu 1: Văn bản đề nghị giới thiệu địa điểm dự án đầu tư**
(Đối với trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu giới thiệu địa điểm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIỚI THIỆU ĐỊA ĐIỂM DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi:

- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):Giới tính:.....

Sinh ngày: Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email:

Người đại diện theo pháp luật:.....

Chức vụ:.....

II. NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN THỰC HIỆN

1. Tên dự án đầu tư (ghi bằng chữ in hoa):

2. Mục tiêu dự án:

3. Quy mô dự án:

4. Nhu cầu sử dụng đất:

5. Thời gian hoạt động dự án:

6. Tổng vốn đầu tư:, trong đó vốn góp để thực hiện dự án:

7. Hình thức trả tiền sử dụng đất: hàng năm; một lần.

8. Hình thức đầu tư: thành lập doanh nghiệp mới
 không thành lập doanh nghiệp mới

hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC

9. Các nội dung khác (nếu có):.....

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ

1. Vị trí khu đất và diện tích

Yêu cầu đặc biệt về khu đất (nếu có)

(Kèm Bản đồ địa chính khu đất)

2. Thông tin về giá đất

3. Thông tin quy hoạch

4.

Nhằm phục vụ nhà đầu tư nghiên cứu lập đề xuất dự án đầu tư, kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư thực hiện nghiên cứu dự án đầu tư nói trên.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có)*

www.LuatVietnam.vn

2. Mẫu 2: Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: .../...../..... Ngày hết hạn:
...../...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
Địa chỉ trụ sở:
Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà DTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:

3. Vốn điều lệ:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

3. Mẫu 3: Đề xuất dự án đầu tư
(Trường hợp dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm...)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*):

- Chi phí thuê đất, mặt nước,:

- Chi phí xây dựng công trình:

- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;

- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.

- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.*

c) *Vốn khác:*

6. **Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:**

7. **Tiến độ thực hiện dự án** (*ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018*): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. **Nhu cầu về lao động** (*nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể*):

9. **Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án**

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyên giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (nếu có)

4. Mẫu 4: Đề xuất dự án đầu tư

(Trường hợp dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m² hoặc ha):
- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ)đô la Mỹ, trong đó:

- a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.
- b) Vốn lưu động: ... (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Trương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

5. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:.....

6. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

7. Nhu cầu về lao động: (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyên giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

5. **Mẫu 5: Văn bản đề nghị điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch: ..

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: /.../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: /.../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /.../..... Ngày hết hạn: /.../..... Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: /.../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: /.../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do
(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (tên dự án) với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (nếu có)

7. Mẫu 7: Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):

- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):

- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

8. **Mẫu 8: Đề xuất giãn tiến độ dự án đầu tư**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tình hình hoạt động của dự án

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính (nêu thủ tục đã thực hiện, chưa thực hiện):

1.2. Tiến độ triển khai dự án (nêu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn):

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:
- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:.....
- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):.....
- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,.....

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ

Đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (tên dự án)....., đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh mã số/số, do (tên cơ quan cấp) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Nội dung cụ thể giãn tiến độ (ghi cụ thể nội dung đề xuất giãn tiến độ như tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động; tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư...)

2. Thời gian giãn tiến độ:

3. Giải trình lý do giãn tiến độ:

4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:

- Kế hoạch góp vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Về việc tiếp tục thực hiện dự án

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

www.LuatVietnam.vn

9. Mẫu 9: Cam kết của nhà đầu tư về việc bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CAM KẾT VỀ VIỆC THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: <Tên Cơ quan đăng ký đầu tư>

Nhà đầu tư thứ nhất

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): Giới tính:.....

Sinh ngày: Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../.....

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:.....

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../.....

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email:Website:

Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất.

Xin Cam kết thực hiện dự án:

Tại địa điểm:

Diện tích đất dự kiến sử dụng:

Với tổng vốn đầu tư dự án:

Tiến độ triển khai: [ghi theo các các hạng mục trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư (nếu có)]

- Khởi công xây dựng:

- Hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị để vận hành dự án:

- Chính thức đưa dự án vào hoạt động:

Bằng việc thực hiện ký quỹ để bảo đảm thực hiện đầu tư dự án trên với số tiền bảo đảm thực hiện dự án: VND, trong thời gian từ ngày tháng năm ; Số tiền ký quỹ được nộp vào tài khoản của < cơ quan đăng ký đầu tư > mở tại ngân hàng thương mại < Tên ngân hàng >, địa chỉ trụ sở chính: ...

Nhà đầu tư cam kết đã đọc và hiểu rõ điều kiện về bảo đảm thực hiện đầu tư dự án, hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện đầu tư dự án theo tiến độ hoàn thành các hạng mục dự án, xử lý vi phạm trong trường hợp Nhà đầu tư vi phạm cam kết bảo đảm thực hiện đầu tư dự án do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định với nội dung như sau:

1. Điều kiện hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện đầu tư dự án:

a) Hoàn trả 50% số tiền ký quỹ tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp các giấy phép, chấp thuận cần thiết để thực hiện hoạt động xây dựng (nếu có) không chậm hơn tiến độ tại Văn bản cam kết này;

b) Hoàn trả số tiền ký quỹ còn lại và lãi suất phát sinh từ khoản ký quỹ (nếu có) tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị để vận hành dự án không chậm hơn tiến độ tại Văn bản cam kết này.

2. Thủ tục hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện đầu tư dự án:

Tùy theo tiến độ hoàn thành các hạng mục dự án của Nhà đầu tư được quy định tại **Mục 1**, Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ thực hiện hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện đầu tư dự án cho Nhà đầu tư theo quy định.

3. Xử lý vi phạm:

Trong trường hợp Nhà đầu tư không tiến hành triển khai dự án như đã cam kết tại Văn bản cam kết này mà không có lý do chính đáng được cơ quan thẩm quyền xác nhận, tiền ký quỹ sẽ không hoàn trả nhà đầu tư và nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Nhà đầu tư cam kết bảo đảm thực hiện đầu tư dự án bằng hình thức ký quỹ theo đúng nội dung cam kết này.

Nhà đầu tư cam kết về tính chính xác và xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trong Văn bản cam kết này.

Làm tại ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

10. **Mẫu 10: Đề xuất giao đất, cho thuê đất theo từng giai đoạn tương ứng vốn đầu tư của từng giai đoạn dự án**

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :

..., ngày..... thángnăm

ĐỀ XUẤT GIAO ĐẤT/CHO THUÊ ĐẤT

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ¹

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư thứ nhất

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): Giới tính:.....

Sinh ngày: Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../.....

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:.....

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../.....

Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax:
Email: Website:

Thực hiện dự án:

Tại [địa điểm thực hiện dự án]

Mục đích sử dụng: để thực hiện dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/
Văn bản quyết định chủ trương đầu tư số được cấp ... ngày

Diện tích đề xuất được giao/thuê đất: thực hiện giai đoạn ... dự án
theo tiến độ như sau:

Thời gian: từ đến ... (hết thời hạn hoạt động dự án).

Tổng vốn đầu tư trong giai đoạn này:

Nhà đầu tư cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của
pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn./.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

¹ Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

11. **Mẫu 11: Đề nghị hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư**

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :

..., ngày..... thángnăm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ TIỀN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: <Tên Cơ quan đăng ký đầu tư>

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư thứ nhất

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:.....

Sinh ngày: Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:.....

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../.....

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất.

Đề nghị hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện dự án đầu tư:

Căn cứ Văn bản thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số ngày được ký giữa nhà đầu tư và <tên Cơ quan đăng ký đầu tư>;

Căn cứ giá trị khối lượng thực tế đã đầu tư cho dự án, chủ đầu tư đề nghị <tên Cơ quan đăng ký đầu tư> hoàn trả ...% số tiền đã bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

(đính kèm các hồ sơ, chứng từ khối lượng công việc đã hoàn thành).

Nhà đầu tư đề nghị <tên Cơ quan đăng ký đầu tư> xem xét giải quyết./.

Hồ sơ kèm theo:

- Báo cáo tình hình hoạt động dự án đến ngày;
-

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có)*

www.LuatVietnam.vn

12. Mẫu 12: Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án quy hoạch

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :

..., ngày..... thángnăm

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị thẩm định đồ án quy hoạch (tên đồ án quy hoạch)

Kính gửi: Cơ quan thẩm định...

Căn cứ Luật ...; (liên quan đến QHXD hoặc QHĐT)
Căn cứ Nghị định ...;
Căn cứ Thông Tư ...; (liên quan đến QHXD hoặc QHĐT)
Căn cứ Văn bản ...; (Quyết định phê duyệt quy hoạch liên quan (1/10000,1/2000...),
Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch (1/500), các văn bản góp ý của cơ quan có thẩm quyền...)

Chủ đầu tư đề nghị Cơ quan thẩm định đồ án thiết kế quy hoạch với các nội dung chủ yếu như sau:

Căn cứ Luật ...; (liên quan đến QHXD hoặc QHĐT)
Căn cứ Nghị định, Thông Tư ...; (liên quan đến QHXD hoặc QHĐT)
Căn cứ Văn bản ...; (Quyết định phê duyệt quy hoạch liên quan (1/10000,1/2000...),
Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch (1/500), các văn bản góp ý của cơ quan có thẩm quyền...)

Chủ đầu tư đề nghị Cơ quan thẩm định đồ án thiết kế quy hoạch với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án:
2. Phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch xây dựng:
3. Tính chất và mục tiêu quy hoạch:
4. Quy hoạch sử dụng đất:
5. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc:
6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: (quy định cụ thể về kiến trúc, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, ...)
7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: (quy định về chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường, thông tin liên lạc...)
8. Tổ chức thực hiện: (nêu rõ chủ đầu tư, cơ quan lập, thẩm định, phê duyệt...)

Chủ đầu tư kính đề nghị Cơ quan thẩm định.../.

9. Hồ sơ kèm theo:

- Báo cáo tình hình hoạt động dự án đến ngày ...;

-

Nơi nhận:

-

-

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

13. **Mẫu 13: Đơn đề nghị chấp thuận quy hoạch tổng thể mặt bằng và phương án kiến trúc sơ bộ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG
VÀ PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC SƠ BỘ

Kính gửi:

1. Tổ chức / Cá nhân:

- Họ tên người làm đơn (*trường hợp cơ quan, đơn vị doanh nghiệp thì thủ trưởng cơ quan là đại diện, ghi rõ tên cơ quan*):

.....
.....

- Địa chỉ liên hệ: Số nhà Đường phố

(hoặc xóm.....thôn.....)

Phường (xã) Quận (huyện).....

- Điện thoại:.....Fax:.....

- Email

2. Địa điểm đề xuất:

Số nhà.....Đường (phố).....

(hoặc xóm.....thôn.....)

Phường (xã)..... Quận (huyện)

3. Ý định đầu tư xây dựng:

- Chức năng công trình:.....

- Diện tích ô đất (m²):..... Mật độ xây dựng (%):.....

- Tổng diện tích sàn xây dựng (m²):..... Tầng cao công trình:.....tầng.

- Chiều cao công trình (m):..... Tầng hầm:.....tầng.

- Tổng diện tích sàn tầng hầm (m²):..... Nhu cầu chỗ đỗ xe..... chỗ.

4. Để có cơ sở triển khai nghiên cứu các bước tiếp theo của dự án đầu tư theo đúng quy định, kính đề nghị chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc sơ bộ công trình tại khu đất nêu trên. Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước và địa phương về quản lý đầu tư xây dựng.

Làm tại ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

14. Mẫu 14: Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số :

..., ngày..... thángnăm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình

Kính gửi: Cơ quan chủ trì thẩm định

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng (tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án:

3. Loại và cấp công trình:

4. Người quyết định đầu tư:

5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

6. Địa điểm xây dựng:

7. Giá trị tổng mức đầu tư:

8. Nguồn vốn thực hiện:

9. Thời gian thực hiện:

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án);

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp PCCC, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về HTKT đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có);

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát XD phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng (tên dự án) với các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

www.LuatVietnam.vn

15. Mẫu 15: Văn bản đề nghị thẩm định cơ sở khoa học, công nghệ của dự án đầu tư

Tên Nhà Đầu Tư

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :

..., ngày..... thángnăm

V/v đề nghị thẩm định cơ sở
khoa học, công nghệ của dự
án đầu tư [tên dự án].

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế

Tên nhà đầu tư (ghi bằng chữ in hoa):

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: Fax..... Email:.....

Tên dự án đề nghị thẩm định:

Địa điểm thực hiện dự án:.....

Mục tiêu dự án:

Hồ sơ thẩm định cơ sở khoa học, công nghệ của dự án đầu tư bao gồm:

Stt	Tên văn bản/tài liệu	Chọn nộp
01	Báo cáo kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng dự án đầu tư (nếu có);	<input type="checkbox"/>
02	Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu (nếu có);	<input type="checkbox"/>
03	Các tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư;	<input type="checkbox"/>
04	Giải trình kinh tế - kỹ thuật, trong đó nêu rõ quy trình công nghệ, phân tích và lựa chọn phương án công nghệ, danh mục máy móc, trang thiết bị, dây chuyền công nghệ;	<input type="checkbox"/>
05	Đánh giá tác động của công nghệ đến hiệu quả kinh tế - xã hội;	<input type="checkbox"/>
06	Đánh giá tác động của công nghệ đến môi trường và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cấp có thẩm quyền;	<input type="checkbox"/>
07	Dự thảo hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có).	<input type="checkbox"/>

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định cơ sở khoa học, công nghệ của Dự án đầu tư.

Nơi nhận:

- Như trên
-
- Lưu:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

16. Mẫu 16: Văn bản đề nghị thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ (1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

..., ngày..... thángnăm

V/v thẩm định báo cáo ĐTM của dự án (2)

Kính gửi: (3).....

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), thuộc mục số ... Phụ lục II (hoặc thuộc mục số ... Phụ lục III) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Dự án đầu tư do ... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện dự án: ...;

- Địa chỉ liên hệ: ...;

- Điện thoại: Fax:....; E-mail: ...

Chúng tôi gửi đến quý (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: (1) chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

17. **Mẫu 17: Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng công trình**

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**TỜ TRÌNH
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Kính gửi: *(Cơ quan thẩm định)*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ văn bản pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình *(Cơ quan thẩm định)* thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) công trình dự án....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
2. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt:
3. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ) :
4. Địa điểm xây dựng:
5. Nguồn vốn đầu tư:
6. Địa điểm xây dựng:
7. Nhà thầu lập thiết kế:
8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
9. Các thông tin khác có liên quan :

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM:

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
- Văn bản thẩm duyệt PCCC, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/ thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế;

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế công trình....thuộc dự án.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

www.LuatVietnam.vn

18. Mẫu 18: Đơn xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :

..., ngày..... thángnăm ...

ĐƠN ...¹

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ²

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ³
.....
.....
2. Địa chỉ/trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên hệ:
4. Địa điểm khu đất:
5. Diện tích (m2):
6. Đề sử dụng vào mục đích: ⁴
7. Thời hạn sử dụng:
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....
.....

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

¹ Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất.

² Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

³ Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Văn bản quyết định chủ trương đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...).

⁴ Trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Văn bản quyết định chủ trương đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

19. **Mẫu 19: Mẫu đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG
ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẢN GIHI CỦA NGƯỜI
NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:.....Quyền....

Ngày..... / /

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

1.1. Tên (viết chữ in hoa):

1.2. Địa chỉ⁽¹⁾:

2. Giấy chứng nhận đã cấp

2.1. Số vào sổ cấp GCN:.....;

2.2. Số phát hành GCN:.....;

2.3. Ngày cấp GCN ... / ... /

3. Nội dung biến động về:

3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động:

3.2. Nội dung sau khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

4. Lý do biến động

.....
.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

.....
.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm.....

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)

Ngày..... tháng..... năm

Công chức địa chính
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm

TM. Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Ngày..... tháng..... năm

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ngày..... tháng..... năm

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)	
<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
Ngày..... tháng..... năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày..... tháng..... năm Thủ trưởng cơ quan (Ký tên, đóng dấu)

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; , từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

20. Mẫu 20: Đơn đề nghị cấp phép xây dựng cho dự án

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CHO DỰ ÁN
cho công trình thuộc dự án

Kính gửi: ... (cơ quan cấp GPXD).....

1. Tên chủ đầu tư:
- Người đại diện Chức vụ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường Phường (xã).....
- Tỉnh, thành phố:
- Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số Diện tích m².
- Tại: Đường:
- Phường (xã) Quận (huyện).....
- Tỉnh, thành phố.....
3. Nội dung đề nghị cấp phép:
- Tên dự án:.....
- Đã được:phê duyệt, theo Quyết định số: ngày.....
- Gồm: (n) công trình
- Trong đó:
 - + Công trình số (1-n): (tên công trình)
 - Loại công trình:Cấp công trình:
 - Diện tích xây dựng tầng 1:m².
 - Tổng diện tích sàn:..... m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
 - Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
 - Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
 - Nội dung khác:.....
4. Tổ chức tư vấn thiết kế:
- + Công trình số (1-n):
- Địa chỉ
- Điện thoại
- Số chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm thiết kế:cấp ngày:.....
5. Dự kiến thời gian hoàn thành dự án: tháng.
6. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

21. Mẫu 21a: Báo cáo hoàn thành thi công XD công trình hoặc hạng mục công trình

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số :

..., ngày..... thángnăm

**TỜ TRÌNH BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH**

Kính gửi: (1).....

Chủ đầu tư công trình/hạng mục công trình báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình với các nội dung sau :

1. Tên công trình/hạng mục công trình:.....
2. Địa điểm xây dựng
3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để tiến hành nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (ghi rõ các điều kiện để được nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định của pháp luật).

Đề nghị(1)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- (2)(để biết);
- Lưu ...

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

(1). Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định.

(2). Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

Mẫu 21b: Danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình

DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

A. HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG

1. Quyết định về chủ trương đầu tư kèm theo Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.
2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc dự án thành phần của cấp có thẩm quyền kèm theo Dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi).
3. Các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.
4. Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư.
5. Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.
6. Quyết định cấp đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.
7. Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.
8. Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.
9. Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
10. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

B. HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.
2. Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.
3. Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế; quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, kèm theo: hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật; văn bản thông báo kết quả thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có).
4. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư xác nhận (có danh mục bản vẽ kèm theo).
5. Biên bản nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.
6. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

C. HỒ SƠ THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
2. Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).
3. Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.

4. Các chứng chỉ xuất xứ, nhãn mác hàng hóa, công bố sự phù hợp về chất lượng của nhà sản xuất, chứng nhận hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Thương mại và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công và quan trắc trong quá trình vận hành.

6. Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.

7. Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).

8. Lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình.

9. Quy trình vận hành, khai thác công trình; quy trình bảo trì công trình.

10. Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:

a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;

b) An toàn phòng cháy, chữa cháy;

c) An toàn môi trường;

d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;

đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);

e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;

g) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

11. Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).

12. Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

13. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục/ công trình đưa vào sử dụng của Chủ đầu tư.

14. Các phụ lục tồn tại cần sửa chữa, khắc phục sau khi đưa công trình vào sử dụng.

15. Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

D. QUY CÁCH VÀ SỐ LƯỢNG HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

1. Các bản vẽ thiết kế phải được lập theo quy định và phải được chủ đầu tư hoặc đại diện được uỷ quyền của chủ đầu tư xác nhận.

2. Các bản vẽ hoàn công phải được lập theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

3. Hồ sơ hoàn thành công trình được bảo quản trong hộp theo khổ A4 hoặc bằng các phương pháp khác phù hợp, bìa hộp ghi các thông tin liên quan tới nội dung hồ sơ lưu trữ trong hộp.

4. Thuyết minh và bản vẽ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình xây dựng có thể được lưu trữ dưới dạng băng từ, đĩa từ hoặc vật mang tin phù hợp.

5. Các văn bản quan trọng trong hồ sơ hoàn thành công trình như quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế-kỹ thuật (trường hợp chỉ phải lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật), quyết định phê duyệt thiết kế, biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

dụng, biên bản bàn giao công trình ... được lưu trữ bằng bản chính. Trường hợp không còn bản chính thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp;

6. Số lượng bộ hồ sơ hoàn thành công trình do chủ đầu tư và các nhà thầu thỏa thuận nêu trong hợp đồng.

22. Mẫu 22: Mẫu Thông báo của UBND tỉnh về việc thống nhất chấp thuận địa điểm nghiên cứu đầu tư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số :/TB-UBND.

Thừa Thiên Huế, ngày..... thángnăm

THÔNG BÁO

Về việc chấp thuận địa điểm nghiên cứu dự án đầu tư

UBND tỉnh nhận được Văn bản số ngày/...../... của Cơ quan đăng ký đầu tư về..., UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất địa điểm cho phép nhà đầu tư nghiên cứu, lập dự án đầu tư theo đề nghị của Cơ quan đăng ký đầu tư tại văn bản số ngày/...../....

2. Đồng ý chủ trương cho phép bổ sung hoặc điều chỉnh cục bộ quy hoạch (trường hợp dự án thực hiện tại địa điểm không thuộc hoặc chưa phù hợp quy hoạch). Giao Cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan trình UBND tỉnh bổ sung hoặc điều chỉnh cục bộ quy hoạch trước khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

3. Giao Cơ quan đăng ký đầu tư cung cấp các thông tin về quy hoạch, giá đất, bản đồ địa chính khu đất,... phục vụ nhà đầu tư nghiên cứu lập đề xuất dự án đầu tư; hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định./.

Nơi nhận:

- Nhà đầu tư;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu VP UBND tỉnh.

CHỦ TỊCH

23. Mẫu 23: Mẫu Văn bản giới thiệu thông tin địa điểm của Cơ quan đăng ký đầu tư

**UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số :/CV-.....

Thừa Thiên Huế, ngày..... thángnăm

Kính gửi: [Nhà đầu tư]

Cơ quan đăng ký đầu tư nhận được Văn bản số ... ngày .../.../... của [Nhà đầu tư] về việc đề nghị giới thiệu địa điểm dự án đầu tư; thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số.../TB-UBND ngày... tháng... năm... về việc chấp thuận địa điểm nghiên cứu dự án đầu tư ..; Cơ quan đăng ký đầu tư xin cung cấp các thông tin về địa điểm dự án phục vụ nhà đầu tư nghiên cứu lập đề xuất dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. KHÁI QUÁT NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Địa điểm đầu tư:

2. Diện tích sử dụng đất:

Trong đó: - Có thời hạn:

- Lâu dài:

3. Hình thức trả tiền sử dụng đất: hàng năm một lần.

4. Các yêu cầu đối với dự án:

- Các thông số về quy hoạch:

- Thông tin về giá cho thuê đất, giá thu tiền sử dụng đất (có hiệu lực trong thời hạn đến ngày 31/12 cùng năm):

- Sơ bộ về phương án bồi thường giải phóng mặt bằng:.....

5. Thời hạn nghiên cứu:

II. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

1. Lập đề xuất và báo cáo giải trình:

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (theo mẫu gửi kèm);

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bán sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư (theo mẫu) (bản chính);

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, gồm: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (theo mẫu) (bản chính).

2. Nghiên cứu và hoàn thành các công việc nói trên, hoàn tất hồ sơ đề nghị cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày nhận được Văn bản giới thiệu thông tin địa điểm của Cơ quan đăng ký đầu tư. Sau thời hạn 03 tháng nếu nhà đầu tư không hoàn tất hồ sơ nói trên thì Văn bản thống nhất địa điểm nghiên cứu đầu tư của UBND tỉnh hết hiệu lực.

Nơi nhận:

- Nhà đầu tư;

- Các cơ quan liên quan;

GIÁM ĐỐC

- Lưu CQ đăng ký đầu tư.

24. MẪU 24: MẪU VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CỦA UBND CẤP TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số :/QĐ-UBND.

Thừa Thiên Huế, ngày..... thángnăm

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Dự án

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cơ quan đăng ký đầu tư ;

Căn cứ báo cáo thẩm định của Cơ quan đăng ký đầu tư ngày.....tháng.....năm.....;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do [nhà đầu tư] nộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày.... (nếu có),

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư:

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Ông/Bà....., sinh ngày.....tháng.....năm, quốc tịch....., chứng minh nhân dân/hộ chiếu số cấp ngày tại....., địa chỉ trường trú tại....., chỗ ở hiện nay tại, số điện thoại: địa chỉ email:

b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

Tên nhà đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số do (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm.

Địa chỉ trụ sở chính:

Người đại diện theo pháp luật: Ông/Bà....., sinh ngày.....tháng.....năm, quốc tịch....., chứng minh nhân dân/hộ chiếu số cấp ngày tại....., địa chỉ trường trú tại....., chỗ ở hiện nay tại....., số điện thoại:..... địa chỉ email:....., chức vụ:.....

2. Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư (ghi bằng chữ in hoa):

2. Mục tiêu dự án:

3. Quy mô dự án:

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: (ghi bằng VNĐ/tương đương USD).
 Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: VNĐ (bằng chữ), tương đương
 USD (bằng chữ), chiếm tỷ lệ% tổng vốn đầu tư.
 Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

7. Thời hạn hoạt động của dự án:năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Tiến độ xây dựng cơ bản:
- Tiến độ đưa công trình vào hoạt động (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án (trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn).

9. Công nghệ áp dụng (nếu có):

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Điều kiện hưởng ưu đãi:

2. Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

a) Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

b) Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

c) Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất

3. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có).

- Triển khai dự án đúng thời gian đã cam kết tại văn bản đề xuất dự án đầu tư ngày... tháng... năm....
- Thực hiện đầy đủ các thủ tục về xây dựng, đất đai, môi trường,... theo quy định.
- Đăng ký thực hiện thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch trước thủ tục xin cấp phép xây dựng theo quy định (trường hợp dự án thực hiện tại địa điểm không thuộc hoặc chưa phù hợp quy hoạch).
- Thực hiện ký quỹ theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 4. Giao Cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan trình UBND tỉnh bổ sung hoặc điều chỉnh cục bộ quy hoạch trước khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư này sẽ chấm dứt hiệu lực trong trường hợp Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật đầu tư 2014.

Điều 6. Quyết định này được lập thành 03 bản. Mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản. Một bản gửi Cơ quan đăng ký đầu tư và một bản được lưu tại Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
 (ký tên/đóng dấu)

25. Mẫu 25: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
(Trường hợp dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới)

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án:

Chứng nhận lần đầu: ngày..... tháng..... năm

Căn cứ Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư của... sốngày..... (nếu có);

Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của ... ;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Nhà đầu tư/các nhà đầu tư nộp ngàyvà hồ sơ bổ sung (nếu có) nộp ngày

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Chứng nhận nhà đầu tư:

Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Ông/Bà....., sinh ngày..... tháng năm, quốc tịch, Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu sốcấp ngàytại....., địa chỉ thường trú tại, chỗ ở hiện nay tại, số điện thoại:, địa chỉ email:

b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

Tên nhà đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số do (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm.

Địa chỉ trụ sở chính:

Người đại diện theo pháp luật: Ông/Bà....., sinh ngày..... tháng năm, quốc tịch, Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số cấp ngàytại....., địa chỉ thường trú tại, chỗ ở hiện nay tại, số điện thoại:, địa chỉ email:....., chức vụ:

Nhà đầu tư tiếp theo(nếu có): ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư (ghi bằng chữ in hoa):

2. Mục tiêu dự án:

Tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện dự án đầu tư này được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất(chỉ ghi nội dung này nếu tổ chức kinh tế có đề nghị và đáp ứng điều kiện đối với doanh nghiệp chế xuất theo quy định của pháp luật)

3. Quy mô dự án:

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là:.....(bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

(VD: Công ty TNHH A góp 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, tương đương 48.000 (bốn mươi tám nghìn) đô la Mỹ, bằng tiền mặt, chiếm 40% vốn góp, trong vòng 3 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Tiến độ xây dựng cơ bản:

- Tiến độ đưa công trình vào hoạt động (nếu có):

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án (trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn).

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

4. Các hình thức hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2.

...

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành (bằng chữ) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại:.... (tên cơ quan đăng ký đầu tư).

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ
(ký tên/đóng dấu)

26. Mẫu 26: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
(Trường hợp dự án cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUỆ
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án:

Chứng nhận lần đầu: Ngày..... tháng..... năm

Chứng nhận thay đổi lần thứ: Ngày.....tháng.....năm

Căn cứ Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư củasốngày (nếu có);

Căn cứ bản án của Tòa án/quyết định của Trọng tài (nếu có);

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh sốdo cấp ngày

Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của ... ;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do.... nộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày.... (nếu có),

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Chứng nhận:

Dự án đầu tư(tên dự án); mã số dự án....., do (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm

được đăng ký điều chỉnh (ghi tóm tắt nội dung xin điều chỉnh, VD: tăng vốn đầu tư, thay đổi mục tiêu hoạt động của dự án).

Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Ông/Bà, sinh ngày tháng năm, quốc tịch, Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số cấp ngàytại....., địa chỉ trường trú tại, chỗ ở hiện nay tại, số điện thoại:, địa chỉ email:

b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

Tên nhà đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số do (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm

Địa chỉ trụ sở chính:

Người đại diện theo pháp luật: Ông/Bà....., sinh ngày..... tháng năm, quốc tịch, Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số cấp ngàytại, địa chỉ trường trú tại, chỗ ở hiện nay tại, số điện thoại:, địa chỉ email:, chức vụ:

Nhà đầu tư tiếp theo(nếu có): ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:(ghi tên Tổ chức kinh tế), mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

2. Mục tiêu dự án:

.....(tên tổ chức kinh tế) được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất (chỉ ghi nội dung này nếu tổ chức kinh tế có đề nghị và đáp ứng điều kiện đối với doanh nghiệp chế xuất theo quy định của pháp luật)

3. Quy mô dự án:

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha

6. Tổng vốn đầu tư của dự án:.....(bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư. Ví dụ: Công ty TNHH A góp 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, tương đương 48.000 (bốn mươi tám nghìn) đô la Mỹ, bằng tiền mặt, chiếm 40% vốn góp, trong vòng 3 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Tiến độ xây dựng cơ bản:

- Tiến độ đưa công trình vào hoạt động (nếu có):

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án (trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn).

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

4. Các hình thức hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2.

...

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sốdo(tên cơ quan cấp) cấp ngày ... tháng ... năm và các giấy điều chỉnh số ngày tháng ... năm

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành(bằng chữ) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại.... (tên cơ quan đăng ký đầu tư).

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ
(ký tên/đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày..... thángnăm

THỎA THUẬN KÝ QUỸ
BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Số
Ngày..... tháng.....năm.....

Căn cứ Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;
Căn cứ.....;
Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số ...của ... đối với dự án (nếu có);
Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sốdo cấp ngày(nếu có)
Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của ... ;
Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do.... nộp ngàyvà hồ sơ bổ sung nộp ngày.... (nếu có),

Các bên:

1. **Cơ quan đăng ký đầu tư** (tên cơ quan, địa chỉ trụ sở, số điện thoại, fax, website, người đại diện, chức vụ, ...):.....
2. **Nhà đầu tư** (tên nhà đầu tư, địa chỉ trụ sở, số điện thoại, fax, website, người đại diện, chức vụ,.....): ghi từng nhà đầu tư hoặc Tổ chức kinh tế

THỎA THUẬN

Điều 1: Áp dụng biện pháp bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với dự án(tên dự án); mã số dự án/số quyết định chủ trương đầu tư: do (tên cơ quan cấp), cấp ngày

Nhà đầu tư thực hiện việc ký quỹ với nội dung như sau:

1. Số tiền ký quỹ:..... (bằng chữ) đồng
2. Thông tin về tài khoản nhận tiền ký quỹ của Cơ quan đăng ký đầu tư:
 - Tên chủ tài khoản/Tên người hưởng (Cơ quan đăng ký đầu tư):
 - Số Tài khoản:
 - Tên Ngân hàng:
 - Địa chỉ của Ngân hàng:
3. Thời hạn nộp tiền ký quỹ: trước ngàytháng ... năm

Điều 2: Việc thực hiện ký quỹ và hoàn trả ký quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư.

Điều 3: Thỏa thuận này được lập thành(bằng chữ) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án, 01 bản gửi cho (tên Ngân hàng nhận ký quỹ) và 01 bản lưu tại ... (tên cơ quan đăng ký đầu tư).

NHÀ ĐẦU TƯ

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**
(ký tên/đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn